

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

NGUYỄN THANH TÂM

**ĐẢNG LÃNH ĐẠO KẾT HỢP SỨC MẠNH DÂN TỘC
VÀ SỨC MẠNH THỜI ĐẠI TỪ NĂM 1930 ĐẾN NĂM 1954**

Ngành : Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Mã số : 9 22 90 15

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ
LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

HÀ NỘI - 2025

Luận án được hoàn thành tại
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

Người hướng dẫn khoa học: 1. PSG.TS. Nguyễn Mạnh Hà
2. TS. Phạm Thị Kim Oanh

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

**Luận án được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án cấp Học viện,
Học viện Báo chí và Tuyên truyền - Hà Nội**

Vào hồi giờ ngày tháng năm 2025

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Thư viện Học viện Báo chí và Tuyên truyền

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài luận án

Một trong những bài học kinh nghiệm được Đảng ta nâng lên thành nghệ thuật trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc Việt Nam, đó là Đảng rất chú trọng công tác *kết hợp giữa sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại*. Với đường lối đúng đắn về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại, Đảng đã huy động được tối đa mọi nguồn lực của dân tộc, tranh thủ được sự ủng hộ giúp đỡ to lớn và hiệu quả về cả vật chất và tinh thần của quốc tế. Đó là sự kết hợp giữa truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam với chủ nghĩa Mác-Lênin; đường lối chính trị - quân sự của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Bài học đến nay vẫn có ý nghĩa hết sức to lớn về khoa học và thực tiễn. Cho đến nay, chưa có nhiều công trình nghiên cứu làm rõ, cụ thể về vấn đề quan trọng này, đặc biệt là chủ đề Đảng lãnh đạo kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Chính vì vậy, nghiên cứu sinh lựa chọn vấn đề ***“Đảng lãnh đạo kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại từ năm 1930 đến năm 1954”*** làm đề tài Luận án Tiến sĩ khoa học lịch sử, chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Làm rõ quá trình Đảng lãnh đạo kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại từ năm 1930 đến năm 1954, từ đó, rút ra những kinh nghiệm để vận dụng vào hiện tại.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Luận án tập trung thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu:

- Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án;
- Nêu lên bối cảnh tác động đến sự lãnh đạo của Đảng trong kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại từ năm 1930 đến năm 1954;
- Hệ thống hóa, làm rõ chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng về kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại từ năm 1930 đến năm 1954;
- Nhận xét ưu điểm, hạn chế và đúc kết những kinh nghiệm chủ yếu từ quá trình Đảng lãnh đạo kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại từ năm 1930 đến năm 1954.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận án nghiên cứu chủ trương, quá trình chỉ đạo của Đảng kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại từ năm 1930 đến năm 1954.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung: Luận án tập trung nghiên cứu làm rõ các nội dung chủ yếu về chủ trương, quá trình Đảng lãnh đạo, chỉ đạo phát huy sức mạnh dân tộc, sức mạnh thời đại và kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại theo hai giai đoạn 1930 - 1945 và 1945 – 1954; những nhận xét, kinh nghiệm về sự lãnh đạo đó của Đảng.

- Về không gian: ở Việt Nam

- Về thời gian: từ khi thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (1930) đến khi Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Việt Nam, Lào, Campuchia được ký kết tại Hội nghị Giơnevơ ngày 21-7-1954, kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

4. Cơ sở lý luận, phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án nghiên cứu dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh liên quan đến chủ trương, chỉ đạo về sức mạnh dân tộc, sức mạnh thời đại và sự kết hợp của hai yếu tố này từ năm 1930 đến năm 1954.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp chủ yếu được sử dụng là phương pháp lịch sử và lôgic.

Phương pháp lịch sử nhằm trình bày quá trình Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo phát huy sức mạnh dân tộc, tranh thủ sức mạnh thời đại và kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại từ năm 1930 đến năm 1954.

Phương pháp lôgic: Từ thực tiễn quá trình Đảng lãnh đạo kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, khái quát lại những kết quả chủ yếu, rút ra một số nhận xét và kinh nghiệm về quá trình lãnh đạo đó của Đảng.

Ngoài việc sử dụng hai phương pháp lịch sử và lôgic, luận án còn sử dụng các phương pháp nghiên cứu khác như: phương pháp thống kê, so sánh; phương pháp khảo sát tư liệu; phương pháp phân tích và tổng hợp; phương pháp phê phán sử liệu và phương pháp nghiên cứu đặc trưng của bộ môn khoa học Lịch sử Đảng là dựa trên các văn bản Văn kiện, Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng soi chiếu vào thực tiễn diễn ra của những sự kiện, nhân vật lịch sử hoặc ngược lại... để phân tích, đánh giá, tổng hợp và rút ra những nhận xét, kinh nghiệm.

4.3. Nguồn tư liệu, tài liệu tham khảo

- Các nghị quyết, chỉ thị, báo cáo của Trung ương Đảng đã được công bố trong *Văn kiện Đảng Toàn tập*.

- Các bài viết, phát biểu của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong *Hồ Chí Minh Toàn tập*.

- Các tư liệu, tài liệu của các bộ, ngành liên quan được lưu giữ tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, Trung tâm lưu trữ Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Thư viện quốc gia, Thư viện Trung ương Quân đội, Phòng Tư liệu - Phương pháp Viện Lịch sử Đảng...

- Các công trình nghiên cứu, tổng kết, các sách, bài viết đăng trên các tạp chí khoa học, các luận án, luận văn có nội dung liên quan đến đề tài của các cơ quan, nhà khoa học của Việt Nam và quốc tế.

- Hồi ký của các nhà lãnh đạo, tướng lĩnh, chính khách, nhân chứng lịch sử trong nước và quốc tế trực tiếp, gián tiếp tham gia vào sự kiện lịch sử giai đoạn 1930 - 1954.

5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

5.1. Ý nghĩa lý luận

- Góp phần hệ thống hóa tư liệu, làm rõ chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại từ năm 1930 đến năm 1954.

- Bước đầu nêu lên các nhận xét và đúc rút một số kinh nghiệm từ quá trình Đảng lãnh đạo kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại từ năm 1930 đến năm 1954.

- Cung cấp những cứ liệu khoa học góp phần làm sáng tỏ hơn vị trí, vai trò và những đóng góp to lớn của chủ trương phát huy sức mạnh dân tộc, tranh thủ sức mạnh thời đại, sự kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại do Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo từ năm 1930 đến năm 1954.

- Đóng góp những luận điểm khoa học góp phần làm sáng tỏ vai trò của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trong việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại từ khi thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (2-1930) đến năm 1954.

5.2. Ý nghĩa thực tiễn

- Luận án là tài liệu tham khảo để các nhà nghiên cứu, hoạch định chính sách đối nội, đối ngoại tạo nên sức mạnh tổng hợp phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa.

- Là tài liệu tham khảo đối với việc nghiên cứu, giảng dạy môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1930 - 1954; Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và một số môn học lý luận chính trị khác.

6. Điểm mới của luận án

Đã luận giải, phân tích những yếu tố tác động đến sự lãnh đạo của Đảng; chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng trong lãnh đạo kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại qua hai giai đoạn nghiên cứu: 1930 - 1945; 1945 - 1954, trên các nội dung như: xây dựng nội lực, tìm kiếm, tranh thủ sức mạnh ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại...

Phân tích, chỉ ra các ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân trong sự lãnh đạo kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại Đảng từ năm 1930 đến năm 1954, từ đó đúc rút một số kinh nghiệm với cơ sở khoa học, có giá trị tham khảo cho hiện tại.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án được kết cấu gồm 4 chương 9 tiết:

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

1.1.1. Nhóm các công trình nghiên cứu chung về cuộc đấu tranh cách mạng từ năm 1930 đến năm 1954

Có thể kể đến các công trình do Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị biên soạn gồm: *Tổng kết cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, thắng lợi và bài học*; *Chiến tranh cách mạng Việt Nam 1945-1975, thắng lợi và bài học*. Công trình *Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)* do Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, Bộ Quốc phòng biên soạn, nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội xuất bản, gồm 7 tập; Cuốn sách *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam* của Đại tướng Võ Nguyên Giáp; Cuốn sách *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng vì độc lập, tự do vì chủ nghĩa xã hội tiến lên giành những thắng lợi mới* của Lê Duẩn; Cuốn sách *Chính sách chính trị, quân sự của Pháp ở Việt Nam giai đoạn 1945-1954 và nguyên nhân thất bại* của tác giả Nguyễn Mạnh Hà; Cuốn *Lịch sử Việt Nam tập 9 (từ năm 1930 đến năm 1945)*; *Lịch sử Việt Nam tập 10 (từ năm 1945 đến năm 1950)*; *Lịch sử Việt Nam tập 11 (từ năm 1951 đến năm 1954)* [171]; Công trình *Lịch sử quân sự Việt Nam tập 9 và tập 10* của Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, Bộ Quốc phòng biên soạn; Cuốn sách *Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)* của Nguyễn Mạnh Hà.

Bên cạnh các công trình nghiên cứu khoa học về cuộc kháng chiến chống Pháp, có rất nhiều bài viết đăng trên các tạp chí chuyên ngành về nội dung này.

Công trình nghiên cứu của các tác giả, các nhà nghiên cứu ở nước ngoài có thể kể đến các tác phẩm tiêu biểu như: Cuốn sách *Lịch sử cuộc chiến tranh Đông Dương 1945-1954* của Général Yves Gras; Cuốn sách *Paris - Sài Gòn - Hà Nội, tài liệu lưu trữ về cuộc chiến tranh 1944-1947* của Đòville Philip; Cuốn sách *Cuộc chiến tranh Đông Dương* của Lucien Bodard; Cuốn sách *Việt Nam 1946, chiến tranh bắt đầu như thế nào?* của Stein Tonnesson; Cuốn sách *Sự phát triển kinh tế của Đông Dương thuộc Pháp* của Charles Robequain; Cuốn sách *Một nền thuộc địa nhập nhằng giai đoạn*

1858-1954 của Pierre Brocheux và Daniel Hémery; Cuốn sách *De Gaulle và Việt Nam* (1945-1969) của Pierre Journoud.

1.1.2. Nhóm công trình nghiên cứu liên quan trực tiếp đến sức mạnh dân tộc, sức mạnh thời đại, sự kết hợp giữa sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong giai đoạn 1930 - 1954

Cuốn sách *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam* của Trường Chinh; Cuốn sách *Cách mạng tháng Tám một số vấn đề lịch sử* của Viện Sử học; Cuốn sách *Hồ Chí Minh chiến sĩ cách mạng quốc tế* của tác giả Phan Ngọc Liên, Trịnh Vương Hồng; Cuốn sách *Hồ Chí Minh với chiến lược đoàn kết quốc tế trong cách mạng giải phóng dân tộc* của tác giả Lê Văn Yên; Cuốn sách *Lịch sử quan hệ đối ngoại Việt Nam (1940-2010)* của tác giả Vũ Dương Ninh; Cuốn sách *Lịch sử Tư tưởng quân sự Việt Nam - Tập V: Tổng luận* do Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, Bộ Quốc phòng biên soạn; Cuốn sách *Cách mạng Tháng Tám 1945 với sự nghiệp đổi mới, hội nhập và phát triển* của Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Cuốn sách *Sức mạnh dân tộc của cách mạng Việt Nam dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh* của tác giả Lê Mậu Hãn; Luận án *Hoạt động đối ngoại của Đảng từ năm 1930 đến năm 1945* của Nguyễn Thị Huyền Trang; Cuốn *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam tập I (1930-1954)* của Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, gồm 2 quyển: quyển 1 (1930-1945); quyển 2 (1945-1954); Cuốn sách *Đảng Cộng sản Đông Dương thời kỳ 1930-1945* của tác giả Trần Nam Tiến; Cuốn sách *Cách mạng Việt Nam trong lòng bạn bè quốc tế thời kỳ 1945-1954* của tác giả Phạm Thị Thanh Mai; Cuốn sách *Quá trình hoạch định đường lối cách mạng giải phóng dân tộc của Đảng và một số bài học kinh nghiệm lãnh đạo chủ yếu (1930-1975)* của tác giả Nguyễn Mạnh Hà; Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Chiến thắng Điện Biên Phủ - Bản hùng ca thời đại Hồ Chí Minh* do Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam và Bảo tàng Hồ Chí Minh phối hợp tổ chức.

Ngoài ra, trên các tạp chí cũng đăng nhiều bài viết phân tích những khía cạnh cụ thể về sức mạnh dân tộc, sức mạnh thời đại, sự kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại trong cuộc đấu tranh của nhân dân ta từ năm 1930 đến năm 1954.

Các nhà nghiên cứu, học giả người nước ngoài cũng có nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến mối quan hệ của cách mạng Việt Nam với thế giới, tình hình, nỗ lực của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn 1930-1954, tiêu biểu như: Cuốn sách *Trung Quốc và việc giải quyết cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất (Giunevơ 1954)* của Francois Joyaux; Cuốn sách *Ý nghĩa của việc đánh bại chủ nghĩa*

quân phiệt Nhật đối với thắng lợi của cuộc cách mạng nhân dân ở Trung Quốc, Triều Tiên và Việt Nam của M.L. Titapenco; Cuốn sách *Hồ Chí Minh giải phóng dân tộc và đổi mới* của Furuta Motoo; Cuốn sách *Quốc tế Cộng sản và Việt Nam* của A.A. Xôcôlốp; Cuốn sách *Câu chuyện về một nền hòa bình bị bỏ lỡ* của Jean Sainteny; Cuốn sách *Đồng chí Hồ Chí Minh* của Épgghêni Côbêlêp; Cuốn sách *OSS và Hồ Chí Minh - Đồng minh bất ngờ trong cuộc chiến chống phát xít Nhật* của Dixee R. Bartholomew - Feis; Cuốn sách *Liên Xô và Việt Nam trong chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất - Hội nghị Giơnevơ 1954* do Cơ quan Lưu trữ Liên bang Nga và Cục Văn thư Lưu trữ Nhà nước Việt Nam phối hợp biên soạn; *Đối diện với Hồ Chí Minh* của Jean Sainteny; *Hồ Chí Minh: một cuộc đời* của William J. Duiker; *Tam giác Trung Quốc - Campuchia - Việt Nam* của Wilfred Burchett; *Liên bang Xô viết và chiến tranh Việt Nam* của Ilya V. Gaiduk; *Hồ Chí Minh, cơ hội cuối cùng Hội nghị Việt - Pháp tại Fontainebleau, tháng 7 năm 1946* của Henri Azeau; *Việt Nam 1945 - Sự tìm kiếm quyền lực* của David G. Marr [7]; *Cách mạng Việt Nam 1945 - Rudoven, Hồ Chí Minh và Đờ Gôn trong thế giới có chiến tranh* của Stein Tonesson; *Lời phán quyết về Việt Nam* của Gi.A. Amtơ,...

1.2. Kết quả của các công trình khoa học đã tổng quan và những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu

1.2.1. Kết quả của các công trình đã tổng quan đối với đề tài luận án

*** Về tư liệu**

Các công trình nghiên cứu liên quan tới nội dung Đảng lãnh đạo kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại đa dạng về thể loại, gồm: các sách, báo, tạp chí, đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, luận án tiến sĩ... đã thể hiện rõ sự quan tâm, lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, các nhà khoa học trong và ngoài nước một trong những bài học kinh nghiệm quý báu của Đảng trong quá trình lãnh đạo nhân dân đấu tranh giải phóng dân tộc (1930-1945) và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954). Các công trình tiến hành khảo cứu đã cung cấp nhiều tài liệu, tư liệu, số liệu thống kê, sơ đồ tổ chức về sức mạnh dân tộc, công tác tìm kiếm, phát huy, kết hợp sức mạnh dân tộc của Đảng. Từ đó, giúp nghiên cứu sinh có được nguồn sử liệu phong phú để tham khảo, kế thừa trong quá trình thực hiện đề tài luận án của mình.

*** Về cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu**

Các công trình nghiên cứu đã được tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau như chính trị học, báo chí học, quan hệ quốc tế, triết học, sử học và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Các phương pháp nghiên cứu như: phân tích, tổng hợp, so sánh, logic,

lịch sử và thống kê đã được sử dụng để phân tích, luận giải vấn đề. Đặc biệt, phương pháp so sánh, đối chiếu trên nguồn tư liệu Văn kiện Đảng được quan tâm, chú trọng tạo cơ sở lý luận vững chắc khi nghiên cứu đề tài.

** Về nội dung nghiên cứu*

Từ nội dung các nghiên cứu, nghiên cứu sinh kế thừa một số điểm cơ bản:

- Luận giải làm rõ hơn nội hàm, khái niệm của sức mạnh dân tộc, sức mạnh thời đại, sự kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, cùng những yếu tố tác động đến sự kết hợp này từ năm 1930 đến năm 1954;

- Tái hiện bức tranh toàn cảnh của tình hình thế giới cũng như Việt Nam từ khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam đến chiến thắng lừng lẫy Điện Biên Phủ năm 1954;

- Các công trình đã cung cấp nhiều tư liệu, cả trong nước và nước ngoài về nguồn gốc, nguyên nhân bùng nổ sự kiện Pháp xâm lược Việt Nam lần thứ hai và cuộc chiến tranh Đông Dương; Nguyên nhân, âm mưu, thủ đoạn, đặc điểm, diễn biến, kết quả của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

- Tư tưởng nhất quán của Việt Nam trong xác định đường lối cách mạng giải phóng dân tộc ngay từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập; sự chỉ đạo, lãnh đạo của Đảng nhằm xây dựng, phát huy mọi sức mạnh, khả năng của dân tộc, tranh thủ mọi thời cơ để có thể đưa cách mạng đến thắng lợi cuối cùng.

- Chủ trương đẩy mạnh việc xây dựng kinh tế, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng ngay từ những ngày đầu thành lập nước.

- Việc nhận thức thời cơ, tranh thủ các khả năng, cơ hội của tình hình quốc tế, của thời đại để giành thắng lợi ở những thời điểm quyết định như Cách mạng Tháng Tám năm 1945, chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.

- Khả năng kết hợp các mặt đấu tranh để kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, kết thúc 9 năm kháng chiến trường kỳ.

- Vai trò của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Tuy nhiên, các công trình khoa học, bài viết trên chỉ đề cập đến các nội dung liên quan đến toàn bộ cuộc đấu tranh cách mạng giành chính quyền và kháng chiến chống xâm lược từ năm 1930 đến năm 1954, chưa có công trình nào nghiên cứu chuyên sâu về vấn đề Đảng lãnh đạo kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại từ năm 1930 đến năm 1954. Tuy vậy, ở những mức độ, hướng tiếp cận khác nhau, các công trình này là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích giúp nghiên cứu sinh kế thừa được nhiều nội dung lịch sử để viết luận án.

1.2.2. Những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu

- Luận giải làm rõ những yếu tố tác động đến sự kết hợp này từ năm 1930 đến năm 1954;
- Làm rõ chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại từ 1930 đến năm 1954.
- Rút ra một số nhận xét, đánh giá và kinh nghiệm về quá trình Đảng lãnh đạo kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại từ năm 1930 đến năm 1954. Từ đó, nêu lên ý nghĩa lý luận, thực tiễn, bài học kinh nghiệm từ việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay.
- Làm sáng tỏ hơn vị trí, vai trò của Đảng trong lãnh đạo phát huy sức mạnh dân tộc, tranh thủ sức mạnh thời đại, sự kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại từ năm 1930 đến năm 1954.
- Chứng minh vai trò của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trong việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại từ năm 1930 đến năm 1954.

Tiểu kết chương 1

Những công trình, bài viết, nguồn tư liệu nêu trên là nguồn tài liệu tham khảo rất quan trọng, có những nội dung, vấn đề luận án có thể kế thừa. Từ đó, nghiên cứu sinh tiếp tục nghiên cứu, làm rõ những vấn đề luận án đặt ra về chủ trương, sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng trong việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong cuộc đấu tranh cách mạng, kháng chiến từ năm 1930 đến năm 1954, từ đó rút ra những nhận xét về ưu điểm, hạn chế và kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với vấn đề này, đồng thời góp phần chứng minh vai trò, đóng góp của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong những thời khắc trọng đại của đất nước, dân tộc.

CHƯƠNG 2

ĐẢNG LÃNH ĐẠO KẾT HỢP SỨC MẠNH DÂN TỘC VỚI SỨC MẠNH THỜI ĐẠI GIAI ĐOẠN ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP (1930 - 1945)

2.1. Những điều kiện, tiền đề cho việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trước năm 1930

2.1.1. Một số vấn đề lý luận chung về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại

2.1.1.1. Một số khái niệm

Sức mạnh dân tộc là tổng hợp những nguồn lực nội sinh của quốc gia, dân tộc bao gồm tất cả các yếu tố về vật chất và tinh thần nhằm thực hiện mục tiêu xây dựng và bảo vệ quốc gia, dân tộc. Đối với Việt Nam trong nửa đầu thế kỷ XX, sức mạnh

dân tộc là ý chí đấu tranh kiên cường, bất khuất của toàn thể dân tộc Việt Nam.

Sức mạnh thời đại chỉ các xu thế chính trị, kinh tế, xã hội trên thế giới được phản ánh vào trong các thời kỳ khác nhau của thế giới ở cả khía cạnh vật chất và tinh thần. Sự tác động của sức mạnh thời đại đối với Việt Nam được biểu hiện ở cả hai khía cạnh sức mạnh vật chất và sức mạnh tinh thần.

Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là chú trọng xây dựng sức mạnh nội lực (cả về vật chất và tinh thần) gắn với việc nắm bắt tình hình, xu thế phát triển của thời đại để khi thời cơ đến “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”.

2.1.1.2. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin

V.I. Lênin đã bổ sung khẩu hiệu của Mác và Ăngghen: “Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại!”. Đồng thời, Lênin khẳng định: “Phải tiếp thu toàn bộ nền văn hóa do chủ nghĩa tư bản để lại và dùng văn hóa đó để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Phải tiếp thu toàn bộ khoa học kỹ thuật, tất cả những kiến thức, tất cả nghệ thuật. Không có những cái đó, chúng ta không thể xây dựng cuộc sống của xã hội cộng sản được”. Quan điểm này của Lênin chính là tư tưởng cốt lõi của việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại.

2.1.2. Nguyễn Ái Quốc - Người xây dựng nền móng cho việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại

2.1.2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại

Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của cách mạng Việt Nam, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh nhận thức rõ tầm quan trọng đặc biệt của sức mạnh dân tộc, sức mạnh thời đại cũng như mối quan hệ của hai yếu tố này. Đường lối cách mạng giải phóng dân tộc từ năm 1930, đường lối 30 năm kháng chiến chống ngoại xâm của Đảng là minh chứng cho sự đúng đắn, sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Tư tưởng này của Người đã trở thành một di sản quý báu của dân tộc và là một trong những bài học lớn, xuyên suốt tiến trình cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2.1.2.2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện, tiền đề cho việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trước năm 1930

Ngay khi bắt đầu xâm lược Việt Nam, thực dân Pháp đã gặp phải sự chống trả quyết liệt của mọi tầng lớp nhân dân với hàng trăm cuộc đấu tranh như phong trào Cần Vương, phong trào do Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh lãnh đạo. Bên cạnh đó, còn có các phong trào đấu tranh của tầng lớp tiểu tư sản, phong trào yêu nước của Việt Nam Quốc dân Đảng, phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản. Tuy

nhiên, các phong trào đều thất bại do thiếu một đường lối đúng đắn, thiếu một tổ chức đủ sức tập hợp, đoàn kết và lãnh đạo nhân dân đấu tranh.

Trong bối cảnh mọi con đường cứu nước đều bế tắc, bị đàn áp, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành đã quyết chí ra đi tìm con đường cứu nước mới cho dân tộc (1911). Những hoạt động và thực tiễn thu hoạch được trong quá trình bốn ba khảo nghiệm đã tạo nên tiền đề cho những hoạt động tiếp theo của Nguyễn Ái Quốc trên tư cách một chiến sĩ quốc tế.

Trong những năm 1923-1924, Nguyễn Ái Quốc trực tiếp sống, làm việc trong Quốc tế Cộng sản trên đất nước Liên Xô. Người chủ động chuẩn bị các điều kiện về tư tưởng, chính trị, tổ chức và cán bộ cho sự ra đời một chính đảng vô sản theo Luận cương của Lênin (Đảng Cộng sản Việt Nam sau này).

Có thể thấy, trên cương vị là một cán bộ của Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đã có những tư tưởng, hoạt động không chỉ phục vụ cho cách mạng Việt Nam mà còn có tác dụng không nhỏ đến các nước thuộc địa và phụ thuộc. Đồng thời, thể hiện rõ quan điểm nhất quán của Người trong việc đấu tranh giải phóng dân tộc, đó là phải biết dựa vào sức mình đồng thời đoàn kết với các lực lượng bên ngoài để giành thắng lợi cuối cùng. Hay nói một cách khác, đó là phải biết kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh đoàn kết của thời đại để đi đến mục tiêu cuối cùng.

2.2. Đảng lãnh đạo kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại khi chưa có tình thế và thời cơ cách mạng (1930 - 1939)

2.2.1. Bối cảnh lịch sử

2.2.1.1. Tình hình thế giới

Năm 1917, Cách mạng Tháng Mười Nga thành công, đã dẫn tới sự ra đời của Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết (1922). Tháng 3-1919, Quốc tế Cộng sản (Quốc tế III) do V.I. Lênin đứng đầu được thành lập. Năm 1929, tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của các nước tư bản khủng hoảng nghiêm trọng, làm sâu sắc hơn mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản với giai cấp vô sản.

2.2.1.2. Tình hình Việt Nam

Ngày 01-9-1858, thực dân Pháp xâm lược Việt Nam khiến cho Việt Nam đã có sự biến đổi rất quan trọng cả về chính trị, kinh tế, xã hội. Cách mạng Việt Nam lâm vào khủng hoảng, bế tắc về đường lối.

Đến cuối năm 1929, ở Việt Nam đã xuất hiện ba tổ chức cộng sản là An Nam Cộng sản Đảng, Đông Dương Cộng sản Đảng, Đông Dương Cộng sản liên đoàn. Trước tình hình đó, Nguyễn Ái Quốc, với tư cách phái viên của Quốc tế Cộng sản, đã chủ động triệu tập và chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản thành Đảng

Cộng sản Việt Nam. Hội nghị diễn ra từ ngày 06-01-1930 đến ngày 08-02-1930 tại Cửu Long, Hương Cảng, Trung Quốc.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào cách mạng Việt Nam phát triển mạnh mẽ với nhiều hoạt động phong phú tạo nên cao trào cách mạng 1930-1931 và cao trào cách mạng dân tộc dân chủ 1936-1939, từ đó, góp phần khẳng định Trung ương Đảng bước đầu có sự thống nhất trong nhận thức về vai trò, vị trí và cách thức giải quyết nhiệm vụ giải phóng dân tộc và nhiệm vụ dân chủ, phối kết hợp giữa cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới.

2.2.2. Chủ trương của Đảng

Cương lĩnh Chính trị đầu tiên của Đảng được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng nhấn mạnh cách mạng Việt Nam cần có sự đoàn kết với cách mạng thế giới để tăng cường sức mạnh, kết hợp được sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Luận cương chính trị do đồng chí Trần Phú soạn thảo xác định cách mạng Việt Nam phải xây dựng được khối liên minh công - nông làm nòng cốt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, phải có mối liên hệ, là một bộ phận của cách mạng thế giới.

Đại hội đại biểu lần thứ nhất của Đảng Cộng sản Đông Dương (5-1935) xác định nhiệm vụ cụ thể của cách mạng Việt Nam, đồng thời liên hệ với các đảng cộng sản anh em.

Giai đoạn 1936-1939, Đảng Cộng sản Đông Dương xác định nhiệm vụ: chống phát xít, chống phản động thuộc địa, đòi tự do dân chủ, chú trọng đến việc báo cáo tình hình cũng như tiếp nhận chỉ thị từ Quốc tế Cộng sản. Bên cạnh đó, sự giúp đỡ từ các Đảng Cộng sản, các phong trào tiến bộ của các nước cũng là một yếu tố góp phần tạo nên sức mạnh thời đại cho cách mạng Việt Nam những năm 1936-1939.

Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng, (10 - 19-5-1941), quyết định thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh), đồng thời mở rộng và củng cố các tổ chức cứu quốc sẵn có. Đảng chủ trương phải chuẩn bị một lực lượng sẵn sàng để khi thời cơ đến với lực lượng sẵn có ta có thể lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương cũng có thể giành sự thắng lợi mà mở đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa to lớn; Hội nghị quyết định lấy vùng miền núi Việt Bắc để xây dựng căn cứ địa, trước hết là xây dựng căn cứ Cao Bằng và căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai.

2.2.3. Chỉ đạo thực hiện

Ngay sau khi ra đời, Đảng Cộng sản Đông Dương thông qua Xứ ủy Trung Kỳ đã tích cực rải truyền đơn, vận động quần chúng nhân dân tham gia đấu tranh. Từ tháng 5-1930, phong trào phát triển thành cao trào, đỉnh cao là Xô viết Nghệ - Tĩnh. Trước

tình hình đó, Nguyễn Ái Quốc đã đề nghị Quốc tế Cộng sản, Quốc tế Nông dân... giúp đỡ phong trào đấu tranh của nhân dân Việt Nam.

Ngày 11-4-1931, Đảng Cộng sản Đông Dương được Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản công nhận là một chi bộ độc lập của Quốc tế Cộng sản. Ngày 5-8-1935, Đảng Cộng sản Đông Dương được kết nạp vào Quốc tế Cộng sản, từ đây, Đảng Cộng sản Đông Dương chính thức là Phân bộ của Quốc tế Cộng sản.

Như vậy, trong cao trào cách mạng 1930 - 1931, Đảng Cộng sản Đông Dương đã xây dựng được sức mạnh dân tộc chính là sức mạnh liên minh của hàng triệu nông dân với giai cấp vô sản. Đồng thời, thông qua các hoạt động tích cực của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, Đảng đã có thêm được sức mạnh thời đại từ sự chỉ đạo, ủng hộ, giúp đỡ của Quốc tế Cộng sản và các Đảng Cộng sản anh em trên thế giới.

Tuy nhiên, trong giai đoạn này, việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại còn có hạn chế nhất định khi thực hiện tư tưởng chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản; chưa nhận thức được hết sức mạnh của thực dân Pháp; Chi thị thanh Đảng không đúng thời điểm cùng góc nhìn phiến diện, máy móc, giáo điều cũng làm cho uy tín của Đảng giảm sút.

Trước tình thế mới, để có thể xây dựng sức mạnh dân tộc, Ban Lãnh đạo Trung ương Đảng với sự giúp đỡ của Quốc tế Cộng sản đã ban hành *Chương trình hành động* của Đảng Cộng sản Đông Dương (6-1932). Từ năm 1932-1935, ngoài sự giúp đỡ của Quốc tế Cộng sản và các thành viên của Quốc tế Cộng sản.

Năm 1936, Đảng chỉ đạo xây dựng Mặt trận Thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương. Nhờ đó, Đảng đã tập hợp và phát huy được sức mạnh nội lực của đông đảo quần chúng nhân dân, hàng ngũ của Đảng ngày càng được củng cố và thống nhất.

Hoạt động đối ngoại của Đảng giai đoạn 1936-1939 chủ yếu tập trung vào Chính phủ và các đảng cánh tả của Pháp, đồng thời kêu gọi sự ủng hộ cho phong trào đấu tranh chống phát xít, đòi hoà bình, dân chủ ở Việt Nam. Trong thời gian này, Đảng Cộng sản Đông Dương vẫn duy trì mối liên lạc với Quốc tế Cộng sản, đề nghị Quốc tế Cộng sản cung cấp những thông tin về Đảng Cộng sản Pháp và Đảng Cộng sản Trung Quốc.

2.3. Đảng lãnh đạo kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại khi tình thế và thời cơ cách mạng xuất hiện (1939 - 1945)

2.3.1. Bối cảnh lịch sử

2.3.1.1. Tình hình thế giới

Tháng 9-1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ đã làm thay đổi một cách cơ bản quan hệ quốc tế, chiến lược các nước lớn và xu thế phát triển của thế giới, tạo ra

tình thế và thời cơ mới cho phong trào đấu tranh giải phóng của các dân tộc thuộc địa trên thế giới.

2.3.1.2. Tình hình Việt Nam

Từ giữa năm 1939, Đảng quyết định rút vào hoạt động bí mật, đồng thời xác định mục tiêu hàng đầu cần giải quyết của cách mạng Đông Dương là “vấn đề dân tộc giải phóng”.

Tháng 9-1940, Phát xít Nhật đổ bộ vào Đông Dương, thực dân Pháp từng bước thoả hiệp, đầu hàng phát xít Nhật. Từ đây, nhân dân ta rơi vào tình cảnh “một cổ hai tròng”. Trước tình hình mới, nhân dân liên tiếp nổi dậy đấu tranh với các cuộc khởi nghĩa như Bắc Sơn (27-9-1940); khởi nghĩa Nam Kỳ (23-11-1940), Binh biến Đô Lương (01-1941) ...

Đầu năm 1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước. Từ đây, phong trào cách mạng Việt Nam đã có Người lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp.

Trước sự biến đổi mau lẹ của tình hình thế giới và thực tiễn tình hình phong trào cách mạng trong nước cuối năm 1944 đầu năm 1945, với quá trình chuẩn bị lâu dài, Đảng đã nhanh chóng nắm bắt thời cơ, thành lập Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc, ra Lệnh khởi nghĩa, nhân dân cả nước đã đồng loạt nổi dậy giành chính quyền, kết hợp sức mạnh thời đại với sức mạnh nội lực, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân cùng đứng lên chiến đấu, hi sinh, giành thắng lợi cuối cùng.

2.3.2. Chủ trương của Đảng

Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ sáu (11-1939), chủ trương thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương để tập hợp đoàn kết tất cả các lực lượng, đồng thời liên hệ, ủng hộ phong trào cách mạng thế giới.

Hội nghị Trung ương Đảng tháng 11-1939 tiếp tục thực hiện nhất quán chủ trương kết hợp cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới được Đảng vạch ra từ Hội nghị thành lập Đảng năm 1930. Hội nghị đã mở ra thời kỳ trực tiếp chuẩn bị các điều kiện cho cuộc vận động giải phóng dân tộc về cả phương diện sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại.

Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương từ ngày 10 đến ngày 19-5-1941, quyết định thành lập Mặt trận Việt Minh, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên trên hết. Hội nghị chủ trương xúc tiến chuẩn bị các điều kiện khởi nghĩa, xác định phương pháp khởi nghĩa, xây dựng lực lượng, chuẩn bị nội lực sẵn sàng đón thời cơ đến để giành chính quyền.. Đồng thời, khẳng định quan điểm cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới,

Ngày 12-3-1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị *Nhật - Pháp bắn*

nhau và hành động của chúng ta.

Ngày 14-8-1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng sản Đông Dương quyết định: Đảng phải kịp thời nắm thời cơ phát động và lãnh đạo toàn dân tổng khởi nghĩa giành chính quyền trước khi quân Đồng minh kéo vào; cần tranh thủ sự đồng tình của Liên Xô và Mỹ chống lại âm mưu của Pháp định khôi phục lại địa vị ở Đông Dương và mưu mô của một số quân phiệt Tàu định chiếm nước ta.

2.3.3. Chỉ đạo thực hiện

2.3.3.1. Đảng chỉ đạo xây dựng sức mạnh nội lực. Đây là yếu tố căn cốt quyết định quan trọng đến thắng lợi của cách mạng. Ngay từ khi thành lập, Đảng luôn xác định: “Ta có mạnh thì họ mới chịu “đếm xỉa đến”. Ta yếu thì ta chỉ là một khí cụ trong tay của kẻ khác, dầu kẻ ấy có thể là bạn đồng minh của ta vậy”. Vì vậy, Đảng Cộng sản Đông Dương đã luôn chủ động xây dựng thực lực cách mạng trên các phương diện:

Chỉ đạo xây dựng lực lượng chính trị: Ngay sau Hội nghị Trung ương lần thứ tám (5/1941), Đảng khẩn trương chỉ đạo xây dựng lực lượng cách mạng. Ngày 06-6-1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã gửi thư kêu gọi toàn dân phát huy truyền thống yêu nước, đoàn kết một lòng đứng cứu nước ra khỏi cảnh nô lệ. Ngày 25-10-1941, Mặt trận Việt Minh đã công bố Chương trình hành động nhằm đoàn kết đông đảo quần chúng. Từ cuối năm 1941 đến năm 1942, Đảng đã chỉ đạo thành lập các hội Công nhân cứu quốc, Nông dân cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc, Thanh niên cứu quốc, ... khắp các tỉnh miền Bắc; Hội giải phóng Việt Nam (Việt Nam - Trung Quốc).

Chỉ đạo xây dựng lực lượng vũ trang: Năm 1940, tại Nam Kỳ, ngoài tổ chức tự vệ, các tổ, đội du kích, tiêu biểu là đội du kích Mỹ Tho, đội du kích Hóc Môn (Gia Định), Cần Giuộc (Chợ Lớn), Vĩnh Liên (Vĩnh Long) ... được xây dựng. Sau cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn (9-1940), Đội du kích Bắc Sơn ra đời, sau đó phát triển thành Đội Cứu quốc quân I (01-5-1941), lấy căn cứ địa Bắc Sơn (Lạng Sơn) làm địa bàn hoạt động chủ yếu. Ngày 15-9-1941, Đội Cứu quốc quân II được thành lập tại căn cứ Võ Nhai (Thái Nguyên). Từ cuối năm 1941, các đội tự vệ, du kích được thành lập ở những nơi có các hội cứu quốc của Mặt trận Việt Minh. Ngày 22-12-1944, lãnh tụ Hồ Chí Minh ra Chỉ thị thành lập *Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân*. Đến cuối năm 1944, lực lượng vũ trang cách mạng Việt Nam đã được hình thành ba thứ quân, bao gồm: (1) Đội quân chủ lực - Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân; (2) Các đội Cứu quốc quân và các đội vũ trang địa phương, gồm các đội vũ trang thoát ly ở các tỉnh, châu, huyện; (3) Lực lượng bán vũ trang ở cơ sở làng xã, xí nghiệp, đường phố, gồm các đội du kích, tự vệ cứu quốc và tự vệ chiến đấu. Tháng 4-

1945, Hội nghị Quân sự cách mạng Bắc Kỳ đã quyết định thống nhất Cứu quốc quân và Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân thành Việt Nam Giải phóng quân (gồm 13 đại đội), Những tổ chức, đơn vị vũ trang nêu trên, cùng với đội du kích Ba Tơ (Quảng Ngãi), Quân du kích Nam Kỳ và các đơn vị vũ trang ở các chiến khu trở thành những tổ chức tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam sau này.

Chỉ đạo xây dựng căn cứ địa cách mạng:

Đảng tập trung xây dựng nhiều căn cứ địa. Đầu tiên là căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai. Năm 1941, Nguyễn Ái Quốc chọn Cao Bằng để xây dựng căn cứ địa cách mạng. Từ năm 1942, con đường xung phong Nam tiến, nối thông liên lạc từ căn cứ địa Cao Bằng xuống các tỉnh Bắc Kạn, Thái Nguyên, Lạng Sơn với căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai. Tháng 6/1945, Khu Giải phóng Việt Bắc được thành lập.

Bên cạnh đó, Đảng cũng quan tâm đặc biệt đến công tác xây dựng, củng cố Đảng về mọi mặt. Ngoài ra, Đảng xác định văn hoá cũng là một trận địa cách mạng; Đảng chú trọng công tác xuất bản, báo chí; thành lập Đảng Dân chủ Việt Nam; công tác vận động binh sĩ Việt Nam trong quân đội Pháp cũng được xúc tiến.

2.3.3.2. Cùng với việc xây dựng sức mạnh dân tộc, Đảng cũng chú trọng tranh thủ sức mạnh của thời đại, thông qua: Ủng hộ và liên kết với Liên Xô chống chủ nghĩa phát xít; Liên hiệp có điều kiện, phối hợp với Đồng minh; gắn kết với phong trào cách mạng các nước xung quanh như Lào, Campuchia, Miến Điện, Mã Lai, Philippines, Thái Lan, Indonesia...

2.3.3.3. Đảng chỉ đạo chớp thời cơ trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám

Trước cơ hội “ngàn năm có một”, dưới sự chỉ đạo của Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh, nhân dân cả nước đã nhanh chóng chớp thời cơ, nhất tề nổi dậy tiến hành cuộc Tổng khởi nghĩa từ ngày 14 đến ngày 28-8-1945. Nhờ có sự chuẩn bị lực lượng chu đáo, tranh thủ sức mạnh thời đại, lại nổ ra đúng thời cơ, Cách mạng Tháng Tám đã giành được thắng lợi “nhANH, gọn, ít đổ máu”. Đây là một điển hình thành công về nghệ thuật kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Tiểu kết chương 2

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thắng lợi để lại nhiều bài học quý báu cho cách mạng Việt Nam, trong đó có bài học về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Mặc dù trong giai đoạn này vẫn còn những hạn chế và khó khăn nhất định, nhưng những kết quả mang lại đã chứng minh chủ trương đặt cách mạng Việt Nam vào dòng chảy cách mạng thế giới của Đảng là hoàn toàn đúng đắn.

CHƯƠNG 3

ĐẢNG LÃNH ĐẠO KẾT HỢP SỨC MẠNH DÂN TỘC VÀ SỨC MẠNH THỜI ĐẠI GIAI ĐOẠN 1945 -1954

3.1. Chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong những năm đầu kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1949)

3.1.1. Bối cảnh lịch sử

3.1.1.1. Tình hình thế giới

****Thuận lợi***

Năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc; các phong trào và lực lượng cách mạng trên thế giới hợp thành ba dòng thác cách mạng, dồn dập tiến công các thế lực thực dân, đế quốc và phản động quốc tế; tạo ra một cục diện mới, một sức mạnh thời đại to lớn, có tác động tích cực, chi phối, làm thay đổi chiều hướng phát triển của thế giới cũng như với mỗi một quốc gia, dân tộc, trong đó có Việt Nam.

****Khó khăn***

Thế giới bước vào thời kỳ Chiến tranh lạnh. Các nước lớn trong phe đế quốc dàn xếp với nhau để đối phó với phong trào cách mạng thế giới, trong đó có cách mạng Việt Nam. Sau Tổng khởi nghĩa, nước Việt Nam Dân chủ Cộng không được một quốc gia, tổ chức quốc tế nào tuyên bố công nhận, kể cả Liên Xô; Thực dân Pháp quyết tâm khôi phục chế độ thực dân ở Đông Dương. Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc trên thế giới chưa thể tạo ra làn sóng cách mạng mạnh mẽ.

3.1.1.2. Tình hình trong nước

****Thuận lợi***

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 mở ra một kỷ nguyên độc lập, tự do, thống nhất, tiến lên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội; Ảnh hưởng, uy tín của Đảng Cộng sản Đông Dương, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh được khẳng định và nâng cao trong quần chúng nhân dân; Quân đội chính quy và các lực lượng vũ trang nhân dân tiếp tục được xây dựng, củng cố, tăng cường.

****Khó khăn***

Sau Cách mạng Tháng Tám, bên cạnh những thuận lợi căn bản trên, đất nước ta đứng trước nhiều khó khăn, thử thách nghiêm trọng trên tất cả các mặt chính trị, quân sự; kinh tế, văn hoá - xã hội; thù trong, giặc ngoài, chưa được sự ủng hộ của quốc tế.

3.1.2. Chủ trương của Đảng

Ngay tại phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ, ngày 03-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu ra những nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Ngày 25-11-1945, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương ra Chỉ thị “*Kháng chiến kiến quốc*”; Ngày 05-11-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết văn kiện *Công việc khẩn cấp bây giờ*, chỉ đạo toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tích cực đẩy mạnh kháng chiến và kiến quốc. Ngày 12-12-1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị *Toàn dân kháng chiến*, đã xác định tính chất, đường lối chung chỉ đạo cuộc kháng chiến là “Toàn dân, toàn diện, lâu dài và dựa vào sức mình là chính”; Đồng thời, cũng nêu chính sách đoàn kết với các nước Miên, Lào và các dân tộc yêu chuộng tự do, hoà bình, liên hiệp với dân tộc Pháp chống phản động thực dân Pháp. Tháng 9-1947, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Trường Chinh đã xuất bản cuốn sách “*Kháng chiến nhất định thắng lợi*”, tiếp tục khẳng định nội dung cốt lõi của đường lối và tư tưởng chỉ đạo cuộc kháng chiến “Toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính” của Đảng. Ngày 27-3-1948, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ra chỉ thị phát động phong trào Thi đua ái quốc.

Bên cạnh chủ trương xây dựng thực lực chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng quan tâm đặc biệt đến việc hoạch định đường lối, chính sách đối ngoại để tranh thủ sức mạnh thời đại, tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của quốc tế đối với cách mạng Việt Nam trong tình hình mới. Hội nghị mở rộng Ban Chấp hành Trung ương Đảng (01-1948) đã chủ trương giúp hai nước Lào và Campuchia mở rộng chiến trường, buộc thực dân Pháp phải phân tán lực lượng. Từ ngày 14 đến ngày 18-01-1949, tại Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ Sáu, Đảng đã nhấn mạnh “Mở rộng mặt trận Lào, Miên; thúc đẩy “Phối hợp với quân giải phóng Tàu”; Ra sức tuyên truyền quốc tế, giành thêm sức ủng hộ của các lực lượng dân chủ thế giới. Gửi các phái đoàn ra ngoại quốc.

3.1.3. Chỉ đạo thực hiện

Trung ương Đảng, Chính phủ, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã Lãnh đạo nhân dân Nam Bộ kháng chiến chống thực dân Pháp; Lãnh đạo nhân dân cả nước ủng hộ Nam Bộ kháng chiến; Đảng chú trọng công tác xây dựng chế độ mới; tập trung giải quyết vấn đề “giặc đói”, “giặc dốt”; vận động toàn dân xây dựng nền văn hoá mới, chú trọng vai trò của tầng lớp văn nghệ sĩ, củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân và an ninh quốc gia; chú trọng xây dựng căn cứ địa cách mạng.

Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trước tình thế “chiến đấu trong vòng vây” của đất nước

Đảng chủ động tìm kiếm nguồn sức mạnh thời đại cho cuộc kháng chiến ở Nam Bộ; Đảng nỗ lực mở rộng mối liên hệ với các nước và các lực lượng hòa bình, dân chủ thế giới; Tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của Đảng Cộng sản và nhân dân Pháp; Đảng chỉ đạo công tác xây dựng liên minh chiến đấu với Lào, Campuchia; Đảng chú trọng tăng cường mối quan hệ với Đảng Cộng sản Trung Quốc; Đảng không ngừng tìm kiếm, tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của Liên Xô.

Tóm lại, trong giai đoạn từ cuối năm 1945 đến hết năm 1949, Đảng Cộng sản Đông Dương, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm nhận thức được vai trò quan trọng của sức mạnh dân tộc nên đã chủ động thực hiện phương châm “dựa vào sức mình là chính”, vừa kháng chiến vừa kiến quốc, nỗ lực cứu vãn nền hoà bình, tranh thủ thời gian để chuẩn bị mọi mặt, sẵn sàng bước vào cuộc kháng chiến lâu dài. Đồng thời, Đảng cũng nỗ lực thực hiện những hoạt động đối ngoại tích cực để tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của quốc tế, đặt nền tảng cho sự tương trợ, giúp đỡ sau này.

3.2. Chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1950 -1954)

3.2.1. Bối cảnh lịch sử

3.2.1.1. Tình hình thế giới

Liên Xô tiếp tục giữ vai trò quan trọng trên trường quốc tế và ảnh hưởng lớn đến cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc trên thế giới. Cách mạng Trung Quốc thành công, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập vào tháng 10-1949. Từ năm 1950, phong trào cách mạng ở Lào và Campuchia có nhiều chuyển biến tích cực. Ở nước Pháp, chiến dịch Biên giới (1950) đã tác động mạnh mẽ tới chính trường Pháp.

Đế quốc Mỹ âm mưu sử dụng Nam Triều Tiên xâm lược Bắc Triều Tiên, biến bán đảo Triều Tiên thành bàn đạp chống phá nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và phong trào giải phóng dân tộc ở khu vực Đông Bắc Á. Ở Đông Nam Á, đế quốc Mỹ đã can thiệp sâu hơn vào cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương, viện trợ trực tiếp cho thực dân Pháp và chính quyền Bảo Đại. Điều đó khiến cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam càng thêm chồng chất khó khăn.

3.2.1.2. Tình hình trong nước

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân và dân ta đã liên tiếp giành được những thắng lợi trên mặt trận quân sự, tiêu biểu là chiến thắng Việt Bắc (1947); chiến dịch Biên giới (1950); Đảng ra hoạt động công khai, tách các Xứ ủy Ai Lao, Cao Miên ra để

thành lập các tổ chức Đảng riêng cho Lào, Campuchia (02-1951). Về phía thực dân Pháp, đã dựa vào đế quốc Mỹ để cứu vãn tình hình bị động, lúng túng sau chiến dịch Biên giới. Cuộc kháng chiến chống Pháp bước sang giai đoạn mới.

3.2.2. Chủ trương của Đảng

Đầu năm 1950, Chính phủ Trung Quốc, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa lần lượt công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đối trọng lại, phía đế quốc Mỹ, Anh công nhận Chính phủ Quốc gia của Bảo Đại. Ngày 18-01-1950, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị về việc tuyên truyền chính sách ngoại giao của Chính phủ Việt Nam.

Trước những biến đổi nhanh chóng, mạnh mẽ của tình hình thế giới và trong nước, ngay từ tháng 01-1950, Trung ương Đảng đã họp Hội nghị toàn quốc lần thứ 3, đồng thời ra nhiều Chỉ thị, Nghị quyết lãnh đạo, chỉ đạo toàn quân, toàn dân tiếp tục thực hiện xây dựng sức mạnh dân tộc, phục vụ cho công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Để đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi, Đảng Cộng sản Đông Dương tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ II tại căn cứ địa Việt Bắc (từ ngày 11 đến ngày 19-02-1950. Trong bối cảnh tình hình mới, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có những chủ trương ngoại giao đúng đắn, nhạy bén, kịp thời, phù hợp với sự chuyển biến nhanh chóng của tình hình thế giới và trong nước.

Tháng 3-1951, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Nghị quyết lần I, xác định cuộc kháng chiến của Việt Nam là một bộ phận khăng khít của phong trào bảo vệ hòa bình thế giới do Liên Xô lãnh đạo... Toàn dân tích cực tham gia kháng chiến và các cuộc vận động quốc tế chống bọn gây chiến và bảo vệ hòa bình.

Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (01-1953) đã thông qua Dự thảo Cương lĩnh của Đảng về chính sách ruộng đất và xác định trong năm 1953 cần phát động triệt để giảm tô, thực hiện giảm tức, chia lại công điền, ruộng đất của thực dân Pháp và Việt gian cho nông dân, thiết thực chuẩn bị cải cách ruộng đất, thực hiện người cày có ruộng. Ngày 12-4-1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 149/SL quy định về chính sách ruộng đất, chấn chỉnh chế độ thuế khoán. Tháng 11-1953, Hội nghị toàn quốc lần thứ nhất khoá II của Đảng thông qua Cương lĩnh ruộng đất. Tháng 12-1953, tại kỳ họp thứ ba, Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (khoá I) thông qua Luật Cải cách ruộng đất.

Ngày 27-12-1953, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Thông tri về *Lời Tuyên bố của Chủ tịch với nhà báo Thụy Điển*; Tháng 12-1953, Đảng ra Chỉ thị *Giải thích Lời Tuyên bố của phái đoàn Việt Nam ở Hội nghị Hội đồng hòa bình thế giới (11-1953)*.

Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là chủ trương nhất quán, xuyên suốt của Việt Nam. Trong mọi điều kiện, hoàn cảnh, Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn tìm mọi cách để xây dựng sức mạnh dân tộc, tranh thủ sức mạnh thời đại, kết hợp nhuần nhuyễn sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Các văn kiện, chủ trương, chỉ thị trên đã chứng minh bản lĩnh chính trị vững vàng, sự sắc sảo, nhạy bén, kinh nghiệm thực tiễn phong phú, cụ thể của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đến thắng lợi cuối cùng.

3.2.3. Chỉ đạo thực hiện

Ngày 01-11-1949, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã chỉ đạo thành lập Phòng Lào - Miên Trung ương (tiền thân của ban Đối ngoại Trung ương), đặt dưới sự lãnh đạo toàn diện của Trung ương.

Ngày 14-01-1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ khẳng định chính sách đối ngoại của Việt Nam: “Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao với chính phủ nước nào trọng quyền bình đẳng, chủ quyền lãnh thổ và chủ quyền quốc gia của nước Việt Nam, để cùng nhau bảo vệ hoà bình và xây đắp dân chủ thế giới”.

Đảng chỉ đạo thiết lập ngoại giao với Liên Xô và Trung Quốc; Tăng cường mở rộng quan hệ với nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới; Đảng chú trọng xây dựng Liên minh chiến đấu Việt - Miên - Lào.

Sau Chiến thắng Biên Giới 1950, mặc dù nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ cả về vật chất và tinh thần của quốc tế, nhưng với tinh thần “ta có mạnh họ mới đếm xia đến”, Đảng vẫn rất chú trọng công tác xây dựng **sức mạnh dân tộc**.

Đảng chú trọng chỉ đạo công tác quân sự: mở chiến dịch Trần Hưng Đạo; Hoàng Hoa Thám; Quang Trung; Hoà Bình; Tây Bắc; Thượng Lào, giữ vững quyền chủ động chiến lược trên chiến trường.

Đẩy mạnh chỉ đạo xây dựng lực lượng vũ trang: Đến cuối năm 1952, các đơn vị chủ lực trực thuộc Bộ Tổng Tư lệnh gồm 6 Đại đoàn bộ binh, 1 Đại đoàn Công pháo và 2 Trung đoàn bộ binh, 1 tiểu đoàn thông tin, 1 tiểu đoàn trinh sát. Tổng quân số 96.212 người. Bộ đội địa phương tỉnh, huyện cũng được chấn chỉnh, củng cố lại.

Tăng cường chỉ đạo công tác đảm bảo vũ khí, trang bị: công tác đảm bảo vũ khí, trang bị luôn được chú trọng đẩy mạnh.

Đảng chú trọng chỉ đạo công tác chính trị: ngày 03-3-1951, Mặt trận Liên hiệp Quốc dân Việt Nam (gọi tắt là Mặt trận Liên Việt) được thống nhất.

Ngày 30-4-1951, Trung ương Đảng ra Chỉ thị về vấn đề Đảng ra công khai với tên gọi Đảng Lao động Việt Nam.

Tăng cường chỉ đạo công tác tư tưởng: Trung ương Đảng đã quyết định thành lập Ban Tuyên truyền và Ban Giáo dục Trung ương (14-9-1950), Ban Tuyên huấn Trung ương (16-4-1950). Từ ngày 30-4-1952 đến ngày 06-5-1952, Đại hội chiến sĩ thi đua và cán bộ gương mẫu toàn quốc đã họp tại Việt Bắc.

Đảng nâng cao chất lượng công tác chính đồn Đảng: Trung ương Đảng tập trung vào vấn đề phát triển Đảng, củng cố tổ chức, nâng cao chất lượng đảng viên, làm tốt công tác “phê bình và tự phê bình”, “đào tạo cán bộ, học tập lý luận”.

Quan tâm chỉ đạo công tác báo chí: dưới sự chỉ đạo của Đảng, các cơ quan báo chí đã có nhiều cố gắng nâng cao chất lượng, tăng số lượng phát hành.

Đảng chú trọng chỉ đạo xây dựng nền kinh tế vững mạnh: Đảng đã chỉ đạo Chính phủ thi hành hàng loạt các biện pháp kinh tế nhằm nâng cao năng suất lao động, đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế, đáp ứng đời sống nhân dân, phục vụ đắc lực công cuộc kháng chiến.

Đảng chỉ đạo đẩy mạnh công tác văn hoá, xã hội, giáo dục, y tế: tiếp tục được đẩy mạnh theo phương châm phục vụ kháng chiến, phục vụ dân sinh và phục vụ sản xuất.

Chiến dịch Điện Biên Phủ và Hội nghị Giơnevơ (7-1954) - điển hình về sự kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại

Với việc chú trọng xây dựng sức mạnh dân tộc cho chiến dịch Điện Biên Phủ, Đảng, Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh không ngừng tranh thủ kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để tạo ra sức mạnh tổng hợp cho chiến dịch.

Sau 56 ngày đêm chiến đấu gian khổ, với nguồn sức mạnh dân tộc to lớn kết hợp với sức mạnh thời đại, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân và dân ta đã tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Đây là thắng lợi quân sự to lớn nhất trong suốt 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, tạo điều kiện thuận lợi cho đấu tranh ngoại giao trên bàn đàm phán.

Với sự cố gắng đấu tranh của đại biểu Liên Xô tại Hội nghị Béclin và sự giúp đỡ về vật chất, đi lại của Trung Quốc, Việt Nam được mời tham dự hội nghị Giơnevơ này. Đây chính là sức mạnh thời đại của cách mạng Việt Nam. Tuy nhiên, nếu Việt Nam không có sức mạnh dân tộc, không có những thắng lợi quyết định tạo ra uy tín, vị thế của mình trên trường quốc tế cũng như xoay chuyển được cục diện chiến trường thì cũng không thể đạt được những thắng lợi tại Hội nghị quan trọng này.

Thắng lợi quân sự của chiến dịch Điện Biên Phủ và thắng lợi ngoại giao trong Hội nghị Giơnevơ là thắng lợi to lớn của khối đoàn kết nhất trí, anh dũng chiến đấu dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của Đảng; là kết quả của 9 năm kháng chiến, kiến quốc trường kỳ của nhân dân cả nước từ Nam ra Bắc, từ vùng tự do đến vùng tạm

chiếm; là kết quả của quá trình đấu tranh bền bỉ, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của quốc tế với cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam. Đó là thắng lợi vẻ vang của sự kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong kháng cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954).

Tiểu kết chương 3

Với sự kết hợp tài tình sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, dưới sự lãnh đạo của Đảng, toàn quân, toàn dân ta đã bảo vệ và phát triển tốt nhất các thành quả của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945; củng cố và phát triển chế độ dân chủ nhân dân trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; bước đầu phát huy cao nhất quyền dân chủ của người dân Việt Nam, mang đến niềm tin vào sức sống và thắng lợi tất yếu của cuộc kháng chiến và con đường quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

CHƯƠNG 4: NHẬN XÉT VÀ KINH NGHIỆM

4.1. Nhận xét

4.1.1. Những ưu điểm trong quá trình Đảng lãnh đạo kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại từ năm 1930 đến năm 1954

Một là: Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là chủ trương nhất quán, xuyên suốt của Đảng trong quá trình lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền và kháng chiến chống thực dân Pháp.

Hai là: Trong chỉ đạo kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, Đảng luôn chú trọng xây dựng sức mạnh dân tộc, thực lực cách mạng trên cơ sở thực tiễn của đất nước, coi đây là nhân tố quyết định đến thắng lợi của cuộc kháng chiến.

Ba là: Việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại đã góp phần xứng đáng vào thắng lợi của sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

4.1.1. Hạn chế trong quá trình Đảng lãnh đạo kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại từ năm 1930 đến năm 1954

Một là: Trong quá trình chỉ đạo thực hiện xây dựng sức mạnh dân tộc, có những thời điểm lực lượng cách mạng, cán bộ, đảng viên, tổ chức Đảng bị tổn thất nặng nề.

Hai là: Yếu tố sức mạnh thời đại có thời điểm bị đánh giá quá cao, có thời điểm chưa tận dụng hết sức mạnh thời đại và ảnh hưởng đến xây dựng sức mạnh dân tộc.

Ba là: Chưa phát huy hết hiệu quả của chiến thắng Điện Biên Phủ và chưa hiểu hết chiến lược của các nước lớn tại Hội nghị Giơnevơ nên kết quả của Hiệp định Giơnevơ có phần bị hạn chế.

4.2. Một số kinh nghiệm

Một là: Luôn kiên định nguyên tắc độc lập, tự chủ trong lãnh đạo kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Hai là: Quan tâm xây dựng, phát huy sức mạnh dân tộc cả về vật chất và tinh thần, coi đây là yếu tố quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến.

Ba là: Thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình quốc tế để tranh thủ tối đa sức mạnh thời đại.

Bốn là: Chủ động, sáng tạo trong xử lý các mối quan hệ quốc tế có liên quan trên cơ sở lợi ích dân tộc, đồng thời thực hiện phương châm “giúp bạn là mình tự giúp mình”.

Tiểu kết chương 4

Trong chương này, nghiên cứu sinh tập trung nêu lên những nhận xét, phân tích ưu điểm, hạn chế trong nhận thức, chủ trương, chỉ đạo và kết quả thực hiện, từ đó rút ra một số kinh nghiệm trong quá trình Đảng lãnh đạo kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại - một trong những nhân tố góp phần quyết định vào thắng lợi của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc (1930-1945 và kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954). Bài học về sự kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại vẫn còn nguyên giá trị và ngày càng được phát huy trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay.

KẾT LUẬN

Bài học kinh nghiệm về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là một trong những bài học kinh nghiệm lớn của Việt Nam trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đồng thời, đây cũng là vấn đề có tính quy luật trong lãnh đạo cách mạng của Đảng. Trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc (1930-1945) và trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), Đảng Cộng sản Việt Nam (Đảng Cộng sản Đông Dương, Đảng Lao động Việt Nam) đã kết hợp sức mạnh về vật chất và tinh thần của dân tộc với tranh thủ tối đa sự ủng hộ, giúp đỡ của bạn bè quốc tế, nhất là các nước xã hội chủ nghĩa anh em. Sự kết hợp ấy đã làm lên thắng lợi vĩ đại của dân tộc Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược mà đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ.

Với sự kết hợp tài tình sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, Đảng đã lãnh đạo quân và dân ta đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược có quy mô lớn của đội quân xâm lược nhà nghề có tiềm lực quân sự và kinh tế hùng mạnh, được điều hành bởi các nhà chính trị lão luyện, các tướng tá quân sự tài ba của thực dân Pháp, cùng với các phương tiện chiến tranh, trang bị vũ khí, công nghệ khoa học kỹ thuật tiên tiến, hiện đại nhất lúc bấy giờ. Đập tan hoàn toàn ách thống trị kéo dài hơn 80 năm của chủ nghĩa đế quốc

Pháp và phong kiến tay sai ở Việt Nam. Và đây là lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh. Đó là thắng lợi về vang của nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là một thắng lợi của các lực lượng hòa bình, dân chủ và xã hội chủ nghĩa trên thế giới. Thắng lợi này cũng góp phần xứng đáng vào sự nghiệp đấu tranh vĩ đại của nhân loại tiến bộ, vì nền hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới; có tác dụng cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc thuộc địa ở các châu lục Á, Phi, Mỹ La tinh.

Trong quá trình xây dựng đất nước hiện nay, bài học về sự vận dụng sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại một lần nữa được Đảng ta vận dụng một cách sáng tạo trong thời kỳ đổi mới. Vì thế, sau 35 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Trong tình hình hiện nay, trước sự biến đổi không ngừng của thế giới, trong nước và khu vực. Hơn lúc nào hết, cần kế thừa những thành tựu, kinh nghiệm của các thời kỳ trước kia, đồng thời cần phải: Lấy lợi ích quốc gia - dân tộc làm mục tiêu cao nhất; kiên định độc lập tự chủ, tự lực tự cường, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế và nhận thức đúng phương châm kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Bảo đảm cho Việt Nam có được sức mạnh tổng hợp to lớn nhất, vững bước trên con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế./.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN CỦA TÁC GIẢ

1. Nguyễn Thanh Tâm, *Vai trò của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trong kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại (1930-1954)*, Tạp chí Lịch sử Đảng điện tử, ngày 31-8-2024, ISSN 2815 - 6013.

2. Nguyễn Thanh Tâm, *Quá trình Đảng lãnh đạo kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại giai đoạn 1950 – 1953*, Tạp chí Lý luận chính trị và truyền thông, chuyên đề số 2-2024, tr. 5-8, ISSN 1859-1485.

3. Nguyễn Thanh Tâm, *Chiến dịch Điện Biên Phủ và Hội nghị Gienève (7-1954) - Một điển hình về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại*, Tạp chí Lịch sử Đảng số (411), tháng 02-2025, tr.51-55, ISSN 2815 - 6382.